

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp phát triển theo hướng
ứng dụng công nghệ cao và tham gia Đề án 01 triệu ha chuyên canh
lúa chất lượng cao phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh
vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Đảng bộ tỉnh An Giang về Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng trên lĩnh vực kinh tế - xã hội và dân tộc - tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 44/KH-SNNMT ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện Đề án “phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang;

Thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/Đu ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Ủy ban nhân dân xã Vinh Phong xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao và tham gia Đề án 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH

Xã Vinh Phong là địa phương có thế mạnh phát triển nông nghiệp, thủy sản của tỉnh An Giang, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 13.935,20 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm trên 90% diện tích tự nhiên. Địa hình tương

đôi bằng phẳng, có hệ thống sông Cái Lớn, kênh rạch và thủy lợi khá thuận lợi, tạo điều kiện phát triển đồng thời sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản và các mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, những năm qua địa phương đã tập trung chuyển dịch cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với nhu cầu thị trường. Đến nay, diện tích sản xuất theo mô hình 1 vụ lúa 1 vụ tôm trên địa bàn xã 8.020 ha, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng diện tích sản xuất nông nghiệp của xã. Mô hình này đã khẳng định hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất độc canh cây lúa, đồng thời góp phần cải tạo môi trường đất, hạn chế sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thích ứng tốt với điều kiện xâm nhập mặn.

Song song đó, địa phương tiếp tục phát triển diện tích nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp khoảng 10 ha, tập trung tại các khu vực có điều kiện hạ tầng phù hợp. Một số hộ dân đã mạnh dạn đầu tư ứng dụng công nghệ mới trong nuôi trồng thủy sản, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế. Ngoài đối tượng nuôi chủ lực là tôm nước lợ, người dân còn phát triển các mô hình nuôi cua, tôm càng xanh, cá nước ngọt và các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm và tăng thu nhập.

Đối với lĩnh vực trồng trọt, địa phương duy trì ổn định diện tích sản xuất lúa chất lượng cao khoảng 1.000 ha, trong đó từng bước mở rộng diện tích áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như "01 phải, 05 giảm", quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), tưới tiết kiệm nước, sử dụng giống xác nhận và sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc các quy trình sản xuất an toàn khác. Đây là điều kiện thuận lợi để xã tham gia thực hiện Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Kinh tế tập thể tiếp tục được quan tâm củng cố và phát triển. Hiện nay trên địa bàn xã có 9 hợp tác xã (HTX) và 17 tổ hợp tác (THT) đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ nông nghiệp. Các HTX, THT từng bước phát huy vai trò trong việc cung ứng vật tư đầu vào, chuyển giao khoa học kỹ thuật, tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ hội viên tiếp cận các chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, năng lực quản trị của một số HTX còn hạn chế; quy mô hoạt động chưa lớn; việc liên kết theo chuỗi giá trị còn chưa thật sự bền vững.

Hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản bước đầu đã có chuyển biến tích cực. Đến nay có khoảng 3 doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm lúa, tôm và một số nông sản chủ lực thông qua các hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất. Tuy nhiên, tỷ lệ diện tích được ký kết hợp đồng liên kết còn thấp so với tiềm năng; việc thực hiện hợp đồng liên kết ở một số nơi chưa ổn định; hoạt động sơ chế, chế biến và xây dựng thương hiệu nông sản còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp của xã vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn theo quy mô hộ gia đình, diện tích đất sản xuất còn phân tán; mức độ cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ cao chưa đồng đều giữa các vùng sản xuất. Hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất, nhất là thủy lợi nội đồng, giao thông phục vụ vận chuyển nông sản, điện phục vụ nuôi trồng thủy sản và hạ tầng logistics chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, thời tiết cực đoan, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản ngày càng phức tạp; giá vật tư nông nghiệp có xu hướng tăng trong khi giá nông sản chưa ổn định đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất và thu nhập của người dân.

Ngoài ra, việc ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, nhật ký sản xuất điện tử, chứng nhận chất lượng và kiểm kê phát thải khí nhà kính còn ở giai đoạn đầu; tỷ lệ sản phẩm tham gia chuỗi liên kết, sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn và sản xuất phát thải thấp chưa cao. Đây là những tồn tại cần tập trung khắc phục trong thời gian tới nhằm thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ thực trạng nêu trên, việc tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn và tăng cường liên kết chuỗi giá trị là yêu cầu cấp thiết. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất; tăng thu nhập cho người dân; bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của xã Vĩnh Phong trong giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn; phát huy lợi thế địa phương, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện hiệu quả Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chất lượng cao từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập Quốc tế. Phát triển nông nghiệp một cách toàn diện theo hướng xây dựng vùng nguyên liệu lớn, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả gắn với phát triển bền vững, phấn đấu đến năm 2030 đưa tỷ trọng nông nghiệp chiếm trên 80% trong cơ cấu kinh tế của xã.

- Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động các Hợp tác xã, Tổ hợp tác hiện có; phát triển mới và củng cố tổ hợp tác, thành lập mới 5 hợp tác xã trên các lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên cho lĩnh vực Dịch vụ- Sản xuất nông nghiệp.

- Phân đầu đến năm 2030, có 30 - 50% diện tích lúa - tôm (khoảng trên 2.400 - 4.000ha), 30 - 50% diện tích tôm nuôi (khoảng 3.600 - 6.000 ha) được các doanh nghiệp đầu tư và bao tiêu sản phẩm. Đầu tư hệ thống hạ tầng sản xuất khép kín phục vụ 12.020 ha nuôi tôm (trong đó có 8.050ha tôm-lúa), tương ứng với 66% diện tích sản xuất.

- Quy hoạch diện tích sản xuất đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

+ Diện tích đất gieo trồng lúa cả năm là 8.400ha, năng suất bình quân 5,7 tấn/ha, tổng sản lượng đạt 47.670 tấn;

+ Diện tích rau - màu 10 ha, chủ yếu là bầu, bí... năng suất bình quân 25 tấn/ha, sản lượng 250 tấn.

+ Nuôi trồng và khai thác thủy sản: Phân đầu đến năm 2030 diện tích nuôi tôm là 12.020ha, trong đó: Diện tích nuôi tôm - lúa 8.400ha, tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước đạt 17.678 tấn, trong đó: sản lượng khai thác nuôi trồng 9.091 tấn, sản lượng nuôi trồng 8.587 tấn.

+ Tổng đàn chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt 27.000 con, trong đó: đàn heo 15.000 con, đàn gia cầm 12.000 con.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Quy hoạch, rà soát, xây dựng bổ sung đề án

- Xác định lại vùng sản xuất để điều chỉnh quy hoạch, tổ chức lại sản xuất bố trí cây, con hợp lý cho từng vùng.

- Đối với vùng nuôi trồng thủy sản: Điều chuyển 70 ha đất lúa 02 vụ sang nuôi tôm theo mô hình trồng 1 vụ lúa nuôi 1 vụ tôm (xen cua, tôm càng xanh...) thích ứng với điều kiện mặn xâm nhập.

- Hàng năm có rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung quy hoạch mới theo yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thực hiện tốt công tác công khai quy hoạch và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy hoạch.

- Rà soát các đề án, phương án, kế hoạch có liên quan đến việc tổ chức thực hiện các loại cây trồng, vật nuôi, các mô hình sản xuất... Đánh giá, rút kinh nghiệm, tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh, hoặc xây dựng đề án, kế hoạch để tiếp tục khuyến khích đẩy mạnh phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Đầu tư hạ tầng phát triển sản xuất gắn với ứng phó biến đổi khí hậu

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng sản xuất đồng bộ gắn với phát triển giao thông, công trình thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng các cống, kiểm soát xâm nhập mặn. Từ nay đến năm 2030, đầu tư các công trình thủy lợi lớn khi có nhu cầu, 20 công trình kênh thủy lợi nội đồng, 5 đến 10 cống điều tiết nước, từ 5 trạm bơm cho các hợp tác xã nông nghiệp và hoàn thành hệ thống đê bao ven sông từ Vàm Chắt Bông đến ấp Ruộng Sạ dài 19 km.

- Tăng cường kêu gọi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư khu nuôi tôm

công nghiệp ấp Đập Đá 1. Có chính sách thu hút đầu tư nhà máy sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và bãi trung chuyển hàng hóa đầu mối tập trung.

- củng cố hạ tầng nông thôn, đảm bảo an toàn đường giao thông, trường, chợ, công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn phù hợp với thời tiết, khí hậu.

3. Tổ chức sản xuất

a) Lĩnh vực trồng trọt

*** Cây lúa**

- Diện tích sản xuất lúa trên nền tôm phần đầu 8.400ha và xây dựng các mô hình sản xuất lúa sạch (theo hướng sản xuất lúa hữu cơ), phần đầu mỗi ấp có ít nhất một mô hình sản xuất, trước hết Hợp tác xã ấp Căn Cự, Hợp tác xã Kênh 2 Hăng, Hợp tác xã Thuận Nông làm điểm chỉ đạo; gắn với mở rộng mô hình sản xuất tổng hợp luân canh, xen canh trên đất nuôi trồng thủy sản.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiên cứu bố trí cơ cấu giống phù hợp đối với từng vùng, từng vụ, chủ yếu các loại giống lúa chất lượng, năng suất cao vào sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Tăng cường áp dụng đồng bộ các biện pháp canh tác kỹ thuật, kết hợp tốt giữa khuyến cáo đến áp dụng thực tế ngoài đồng ruộng theo quy trình “ 3 giảm, 3 tăng”, 1 phải 5 giảm “ tưới khô ước xen kẽ” giúp nông dân bảo vệ tốt vật nuôi, cây trồng nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế.

*** Rau, củ quả các loại**

Bên cạnh các loại cây trồng trên, đề tận dụng tối đa diện tích đất sản xuất của từng hộ dân, vận động nhân dân trồng cây phân tán như: Dừa, xoài, măng cầu, chuối, cây lấy gỗ xà cừ, trầm bông vàng, bạch đàn... trên đất vườn nhà, ven đường, ven kênh rạch để phục vụ cho đời sống sinh hoạt của người dân và cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ cho xây dựng, chất đốt và các nhà máy chế biến trong khu vực khi có nhu cầu, nhằm phát huy tối đa hiệu quả diện tích đất và nâng cao thu nhập.

b) Lĩnh vực thủy sản

- Sử dụng hợp lý nguồn lợi tự nhiên, phát triển nuôi thủy sản bền vững nhằm nâng cao sản lượng thủy sản và tăng giá trị kinh tế góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

- Quy hoạch diện tích nuôi tôm đạt 12.020 ha, diện tích nuôi tôm - lúa 8.400 ha.

- Phát triển nuôi thủy sản gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và các ngành khác, đặc biệt là quy hoạch giao thông, thủy lợi, quy hoạch sử dụng đất, bảo đảm phát triển hài hòa giữa các lĩnh vực, các ngành trong nền kinh tế của xã.

- Khuyến khích nhân dân đầu tư các mô hình nuôi thủy đặc sản ven sông,

đa dạng các hình thức nuôi theo hộ gia đình như: lúa cá, cá trong ruộng vườn, ao và ven sông nhằm đảm bảo đạt sản lượng kế hoạch.

- Triển khai điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất giai đoạn 2025-2030 công bố quy hoạch để nhân dân biết, quản lý tốt quy hoạch được duyệt, tăng cường mở rộng diện tích nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu nhất là các mô hình nuôi thâm canh kết hợp xen canh các loại thủy sản có giá trị như cua, tôm càng xanh...

- Xây dựng hệ thống các điểm quan trắc nhằm cảnh báo và tiến tới dự báo môi trường nuôi, dịch bệnh cho vùng sản xuất giúp người dân chủ động hơn trong công tác quản lý môi trường nuôi và chủ động phòng trừ dịch bệnh.

- Tăng cường tập huấn chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân đảm bảo triển khai đến từng hộ nuôi nhằm nâng cao ý thức cộng đồng trong sản xuất và quản lý dịch bệnh.

- Khuyến cáo nông dân áp dụng công nghệ mới, ứng dụng bộ tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất, kết hợp tuyên truyền về chất lượng, an toàn vệ sinh thú y thủy sản nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc sản xuất thủy sản, đảm bảo chất lượng trước khi cung ứng ra thị trường.

c) Lĩnh vực chăn nuôi

- Hiện tại trên địa bàn xã loại hình chăn nuôi chủ yếu là hộ gia đình, một vài hộ nuôi quy mô vừa, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch bệnh và giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường. Các đối tượng vật nuôi chính là: heo, gia cầm.

- Quy hoạch chăn nuôi của xã phát triển theo hướng tập trung, nâng cao chất lượng con giống, hình thành thêm những gia trại, trang trại có quy mô từ 1.000 con trở lên/hộ gia đình, chăn nuôi sản xuất theo hướng an toàn sinh học... khuyến khích phát triển các mô hình chăn nuôi gia công, bán công nghiệp, nuôi nhốt quy mô vừa ở các hộ gia đình, bên cạnh đó tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn phòng ngừa dịch bệnh. Duy trì đàn gia súc, gia cầm.

- Lồng ghép các chương trình tỉnh, Trung ương đầu tư trên địa bàn xã để hỗ trợ về con giống, thuốc thú y, chính sách về tín dụng đối với hộ gia đình, chú trọng đào tạo kiến thức thú y cho người chăn nuôi nhỏ qua các hoạt động khuyến nông, vận động nhân dân trồng cỏ có chất lượng tốt để phát triển chăn nuôi.

4. Kinh tế hợp tác

- Phấn đấu đến năm 2030, kinh tế tập thể cơ bản có vị trí và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội của xã, số lượng thành viên sản xuất nông nghiệp tham gia các loại hình kinh tế tập thể (KTTT) chiếm ít nhất 30%, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ I Đảng bộ xã đã đề ra. Cụ thể:

- Đưa các THT, HTX ra khỏi tình trạng hoạt động yếu kém, phấn đấu tăng trưởng của các loại hình KTTT ngày càng cao (60% HTX, THT đạt khá - tốt, 40% đạt TB, không có HTX yếu - kém).

- Tăng cường hướng dẫn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư hạ tầng sản xuất giúp nâng cao năng suất và chất lượng gắn với liên kết và tiêu thụ sản phẩm, giảm được giá thành (từ 10 - 30%), tăng sức cạnh tranh và nâng cao năng lực hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã.

- Phát triển KTTT, tổ hợp tác, HTX, xây dựng các mô hình KTTT dưới hình thức nông nghiệp và dịch vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh phù hợp với đặc điểm kinh tế, tự nhiên, xã hội của địa phương.

- Tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn gắn với đào tạo cán bộ quản lý HTX và THT; thành viên hợp tác xã, tổ viên được tuyên truyền các văn bản về hợp tác, nội dung tập huấn gồm đào tạo quản lý, điều hành hoạt động HTX và THT, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính HTX, nghiệp vụ kế toán HTX...

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các ngành nghề, dịch vụ kinh doanh hiện có của HTX. Thực hiện liên kết, liên doanh, huy động mọi nguồn lực tại chỗ, tranh thủ các nguồn đầu tư để phát triển các loại hình kinh doanh, dịch vụ mới nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển của HTX.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp bằng nhiều hình thức, với nội dung cụ thể nhằm tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và người nông dân, từ đó làm thay đổi nhận thức, tư duy, tập quán sản xuất nhỏ lẻ sang phát triển nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, xây dựng thương hiệu, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, sớm hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

2. Điều chỉnh, bổ sung và tăng cường quản lý Nhà nước về quy hoạch

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội xã Vĩnh Phong đến năm 2030, tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đã được phê duyệt, bổ sung các quy hoạch mới theo yêu cầu cơ cấu lại ngành, phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, có thế mạnh, thị trường có nhu cầu cao. Thực hiện công khai, minh bạch, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch, nhất là đối với tình hình sản xuất ở các ấp.

3. Tăng cường liên doanh, liên kết và sự tham gia của “4 nhà” và nâng cấp chuỗi giá trị ngành hàng nông nghiệp

- Từng bước xây dựng thương hiệu các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp của nông dân, gắn với thương hiệu các doanh nghiệp và kết nối thị trường, theo hướng: Khuyến khích, hỗ trợ kinh tế hộ nông dân hình thành các trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ các cơ sở thu mua, bảo

quản, chế biến và tiêu thụ nông sản thành lập doanh nghiệp, chủ động gắn kết với sản xuất của hộ nông dân; thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất hình thành các chuỗi giá trị, hoặc liên kết một số khâu như hợp tác về thủy lợi nội đồng, bơm tưới, phòng trừ dịch bệnh.

- Tăng cường liên kết trong sản xuất:

+ Liên kết giữa những người sản xuất: Các hộ gia đình góp vốn, ruộng đất hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã, phát triển sản xuất theo vùng sản xuất chuyên canh, đa canh... nhằm phát huy lợi thế trong ứng dụng quy trình sản xuất tiên tiến, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là thực hiện tốt khâu tiêu thụ.

+ Liên kết giữa doanh nghiệp với người sản xuất theo hướng phát triển cả 03 loại hình: Quy mô lớn, vừa và nhỏ; ưu tiên hỗ trợ phát triển liên kết với sản xuất nông hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Doanh nghiệp cung ứng đầu vào (giống, vật tư, quy trình kỹ thuật), tổ chức đầu ra (thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm), đảm bảo phân chia hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia.

+ Liên kết trong từng tiểu vùng và sự tham gia của “4 nhà”: Tạo liên kết trong từng tiểu vùng sản xuất, đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm có cùng lợi thế so sánh, tạo khối lượng hàng hóa lớn, đồng nhất về chất lượng, xây dựng thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh, cùng mang lại hiệu quả cao hơn. Huy động các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, kịp thời nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại ngành và nhu cầu thị trường.

- Nâng cao năng lực kinh tế tập thể:

+ Tập trung chỉ đạo tổ chức hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã, hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã mẫu để nhân ra diện rộng; tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã trong tiếp cận tín dụng, đào tạo, đất đai, thị trường; phát triển hợp tác xã đa dịch vụ, từ cung ứng đầu vào đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, song hành cùng với doanh nghiệp.

4. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chủ động kiểm soát dịch hại

- Tập trung tạo bước chuyển mạnh mẽ trong ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế, nhất là đối với doanh nghiệp; trước mắt, tập trung vào một số lĩnh vực mũi nhọn: giống, công nghệ cao, công nghệ sinh học, đổi mới quy trình công nghệ sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Mở rộng dịch vụ nhân giống, cung ứng giống trong đó tăng cường kiểm tra chất lượng con giống, đảm bảo chủ động nguồn giống có chất lượng cao, an toàn dịch bệnh cho phát triển sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa có khối lượng lớn, đồng nhất về chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Chuyển giao, nhân rộng công nghệ sản xuất giống thủy sản có giá trị về kinh tế và thị trường có nhu cầu. Thu hút các doanh nghiệp, tổ chức tham gia hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất, cung cấp giống mới.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, quy trình sản xuất hiện đại như: chuyển giao công nghệ xử lý môi trường

trong chăn nuôi quy mô nhỏ; áp dụng quy trình sản xuất VietGAP; từng bước hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Ưu tiên phát triển công nghệ bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp liên kết phát triển sản xuất với người dân theo chuỗi sản phẩm.

- Ứng dụng công nghệ sinh học để chủ động kiểm soát dịch hại trên cây trồng, vật nuôi, chế biến nông sản và xử lý môi trường. Sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong lập, quản lý quy hoạch, công tác quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy,...

- Đổi mới công tác khuyến nông phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phối hợp tổ chức tốt các dịch vụ về chuyển giao khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý từ huyện đến cấp xã, trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận nhanh chóng các thành tựu khoa học, công nghệ, quản lý, thông tin thị trường,...

5. Khuyến khích sản xuất hàng hóa quy mô lớn, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn

- Khuyến khích, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn gắn với đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm; thu hút lao động nông thôn vào các hoạt động dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp; tạo động lực thúc đẩy sản xuất theo hướng liên kết, cổ phần, hình thành doanh nghiệp; phát triển nông nghiệp quy mô lớn.

- Tập trung tháo gỡ có hiệu quả những tồn tại, khó khăn của hình thức kinh tế hộ và hợp tác xã hiện nay; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, mùa vụ, ứng dụng khoa học, công nghệ; thu hút doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất với nông dân thông qua Hợp tác xã, Tổ hợp tác; mở rộng thị trường, tăng quy mô sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất.

6. Đổi mới công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo và đánh giá cán bộ, phát triển nhanh đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn, kỹ thuật.

- Tăng cường phối hợp, hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong việc đào tạo, chuyển giao khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả, thiết thực chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tạo nguồn nhân lực phục vụ cho cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, trong đó ưu tiên đối tượng đào tạo là nông dân, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác. Đồng thời, đào tạo nghề mới để chuyển đổi nghề ngay trong lĩnh vực nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động sang công nghiệp, dịch vụ. Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đào tạo nghề và sử dụng lao động sau đào tạo.

7. Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, tăng cường quản lý và sử dụng đầu tư công

- Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa đầu tư nhằm huy động nguồn lực từ người dân, doanh nghiệp và các tổ chức.

- Tập trung các nguồn vốn đầu tư thỏa đáng cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đầu tư vào phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực: hạ tầng nuôi tôm thâm canh, công nghiệp; hạ tầng vùng sản xuất giống; bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch; chuyển giao khoa học, công nghệ, phát triển thị trường; các công trình thủy lợi cho thủy sản; duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê, cống để ứng phó với biến đổi khí hậu (nước mặn xâm nhập) nhằm bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

- Nâng cao chất lượng quá trình lựa chọn dự án; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, thiếu đồng bộ; tập trung đầu tư dứt điểm các công trình, sớm đưa vào khai thác, phục vụ sản xuất. Nâng cao tính minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng đầu tư công.

- Tạo điều kiện thuận lợi để huy động vốn nhân rồi trong dân cùng với vốn nhà nước để đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, vật tư nông nghiệp, thủy sản, giống mới.

8. Xây dựng thương hiệu, quản lý chất lượng sản phẩm và ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Từng bước xây dựng thương hiệu các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp của xã gắn với thương hiệu của các doanh nghiệp và kết nối thị trường tiêu thụ. Cơ quan chuyên môn làm đầu mối liên kết giữa doanh nghiệp và người sản xuất, doanh nghiệp đầu tư đầu vào (giống, vật tư, quy trình kỹ thuật), tổ chức bao tiêu đầu ra.

- Ưu tiên công tác giống, xây dựng các cơ sở nhân giống: lúa, giống vật nuôi, thủy sản nòng cốt là các hợp tác xã sản xuất đảm bảo chủ động nguồn giống có chất lượng cao, an toàn dịch bệnh cho phát triển sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa có khối lượng lớn và đồng nhất về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tăng cường tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân đảm bảo triển khai đến từng hộ nhằm nâng cao ý thức cộng đồng trong sản xuất và quản lý dịch bệnh. Xây dựng mô hình cánh đồng lớn “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, mô hình “4 tốt” gắn với với bao tiêu sản phẩm.

- Khuyến cáo nông dân áp dụng công nghệ mới, đưa cơ giới hóa, công nghệ sinh học vào sản xuất như: máy sấy, máy làm sạch và sử dụng chế phẩm sinh học. Ứng dụng bộ tiêu chuẩn VietGAP cho mô hình cánh đồng lớn, nhất là khuyến cáo cho nhóm đối tượng tham gia vào kinh tế tập thể.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo các mô hình có hiệu quả để chuyển giao kỹ thuật cho người trực tiếp sản xuất. Rà soát, cập nhật và cải tiến các tài liệu tập huấn.

9. Tăng cường quản lý Nhà nước ngành nông nghiệp

- Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, công bố rộng rãi và xây dựng quy chế quản lý quy hoạch, quản lý cơ cấu sản xuất theo từng vùng, từng khu vực làm cơ sở thực hiện các chế tài, đảm bảo quản lý quy hoạch đúng định hướng phát triển của vùng, hạn chế tình trạng phát triển tự phát.

- Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, thông qua mở rộng quy mô sản xuất phù hợp, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và hình thành khu vực chuyên canh theo hướng sản xuất nông nghiệp từng bước hiện đại gắn với thị trường.

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất, phối hợp thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ đối với các loại vật tư đầu vào như: giống, thuốc, hóa chất, sản phẩm vi sinh, chế phẩm sinh học và sản phẩm cải tạo môi trường trong nuôi thủy sản. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật.

- Thường xuyên chấn chỉnh công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm nông, thủy sản, công tác giết mổ, vệ sinh thú y và vật tư nông nghiệp.

10. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp và phát triển nông nghiệp thông minh

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và tổ chức sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc, phát triển nông nghiệp xanh, phát thải thấp.

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về đất sản xuất nông nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết, hộ sản xuất và các vùng sản xuất tập trung; cập nhật, quản lý dữ liệu trên nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và dự báo sản xuất.

- Triển khai xây dựng mã số vùng trồng, mã số cơ sở nuôi, nhật ký sản xuất điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng mã QR đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương; từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và người dân ứng dụng các nền tảng số trong quản lý sản xuất, dự báo thời tiết, giám sát môi trường nuôi, quản lý dịch hại, quản lý chi phí sản xuất, thương mại điện tử và kết nối tiêu thụ nông sản.

- Tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, thiết bị thông minh, công nghệ GIS, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống quan trắc môi trường và các phần mềm chuyên ngành trong quản lý vùng sản xuất, nuôi trồng thủy sản, giám sát dịch bệnh, quản lý chất lượng và kiểm kê phát thải khí nhà kính.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu chuyên ngành; nâng cao tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến, trao đổi văn bản điện tử và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan chuyên môn nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác và người sản xuất; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất nông nghiệp.

Lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số với Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh; xây dựng các mô hình sản xuất thông minh, mô hình nông nghiệp tuần hoàn, góp phần giảm phát thải, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp bền vững.

11. Nhu cầu nguồn vốn thực hiện

- Thủy lợi: Tổng nguồn vốn đầu tư 33 tỷ đồng, trong đó dự kiến nguồn vốn Nghị định 112/2024/NĐ-CP là 30 tỷ đồng, vốn xây dựng nông thôn mới 3.

- Giao thông: Tổng nguồn vốn cần đầu tư 20,481 tỷ đồng. Đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông trên địa bàn xã đảm bảo đạt chuẩn, kết nối với mạng lưới giao thông liên vùng và với các ấp; hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn các ấp, liên kết các khu dân cư với khu sản xuất theo quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông của xã.

- Điện: Tổng nguồn vốn cần đầu tư 103,32 tỷ đồng. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: xây dựng mới 44 km đường dây trung thế; 60 km hạ thế; 6.500 KVA trạm biến áp; tiếp tục đầu tư nâng cấp, duy tu bảo dưỡng hệ thống điện trên địa bàn các xã, thị trấn nhằm nâng cao chất lượng điện phục vụ nhân dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

Chủ trì, tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra.

Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, các đơn vị có liên quan, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, các hợp tác xã, tổ hợp tác và Trưởng các ấp xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Tham mưu rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển các vùng sản xuất tập trung; triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh.

Chủ trì xây dựng các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, chuyển đổi số trong nông nghiệp; hướng dẫn áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như "01 phải, 05 giảm", IPM, VietGAP và các tiêu chuẩn chất lượng khác.

Phối hợp triển khai xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, nhật ký sản xuất điện tử, cơ sở dữ liệu sản xuất nông nghiệp và các nội dung chuyển đổi số theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Tham mưu huy động, lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện Kế hoạch.

Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện; định kỳ tham mưu UBND xã báo cáo cơ quan cấp trên; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Chủ trì thực hiện công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hướng dẫn nông dân áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, sản xuất an toàn, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tăng cường công tác quản lý giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp; theo dõi, dự tính, dự báo và hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản.

Phối hợp xây dựng các mô hình trình diễn, mô hình sản xuất hiệu quả; tổ chức tập huấn, hội thảo, tham quan học tập nhằm nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến.

Phối hợp với Phòng Kinh tế trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển kinh tế tập thể; tham gia các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng vùng nguyên liệu tập trung.

Phối hợp tuyên truyền thực hiện sản xuất nông nghiệp an toàn, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

Tham gia giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; phản ánh những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

4. Trưởng các ấp

Căn cứ nội dung Kế hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của từng ấp; tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện.

Rà soát, cập nhật tình hình sản xuất; đề xuất điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phối hợp phát triển các vùng sản xuất tập trung và các mô hình sản xuất hiệu quả.

Phối hợp với Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trong việc triển khai các mô hình trình diễn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết sản xuất.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc về UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp, xem xét giải quyết.

5. Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết và các hộ sản xuất

Chủ động phối hợp với UBND xã và các cơ quan chuyên môn tổ chức sản xuất theo quy hoạch, tuân thủ các quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và các quy định của pháp luật.

Tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và sản xuất theo hướng giảm phát thải.

Tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; thực hiện chế độ cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

6. Chế độ kiểm tra, báo cáo

Phòng Kinh tế chủ trì tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết; tổng hợp báo cáo UBND xã và cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

Các đơn vị, tổ chức và Trưởng các ấp định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Kinh tế để tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo cấp có thẩm quyền.

Tổ chức sơ kết vào năm 2028 để đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn giữa kỳ; tổng kết vào năm 2030, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Kế hoạch, làm cơ sở đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN và MT (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Sở Xây dựng (b/c);
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể xã;
- LDVP và CVNC;
- Website Vĩnh Phong;
- Trưởng các ấp;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH
PHÒNG KINH TẾ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sỹ